中国国家汉办规划教材
体验汉语系列教材

Chinese XP
www.chinesexp.com.cn

xperiencing 汉语

体验汉语®

越南语版

Thể Nghiệm Tiếng Hán

生活篇

Đời Sống

40～50课时

100 Câu Giao Tiếp Thường Ngày

顾　问　刘　珣
总策划　刘　援
编　者　朱晓星　岳建玲
　　吕宇红　褚佩如

高等教育出版社
Higher Education Press

体验汉语
Thể Nghiệm Về Tiếng Hán

体验快乐
Thể Nghiệm Về Niềm Vui

体验成功
Thể Nghiệm Về Thành Công

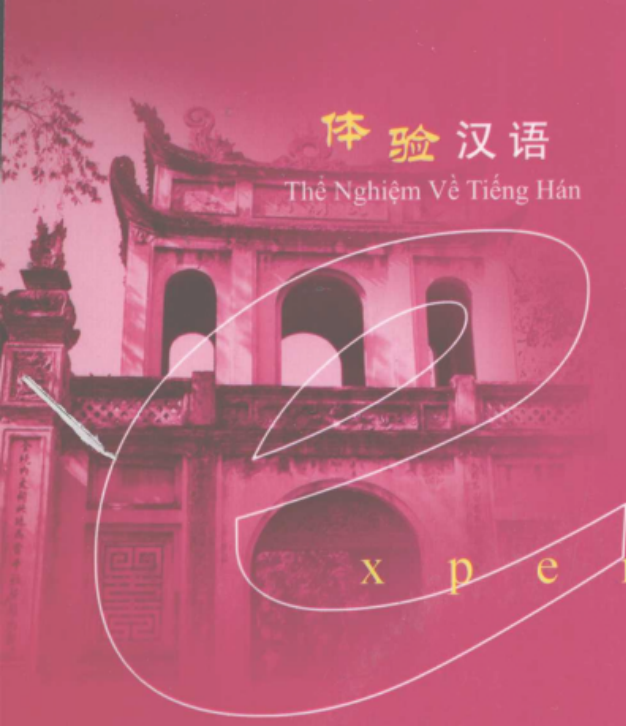

x p e r i e n c i n g

体验汉语短期课程系列教材

- 体验汉语 — 生活篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Đời Sống
- 体验汉语 — 留学篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Du Học
- 体验汉语 — 旅游篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Du Lịch
- 体验汉语 — 商务篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Thương Mại
- 体验汉语 — 公务篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Công Việc
- 体验汉语 — 文化篇 Thể Nghiệm Tiếng Hán – Văn Hóa

ISBN 978-7-04-023252-3
9 787040 232523 >
定价 05800 (附MP3)

中国国家汉办规划教材
体验汉语系列教材

Chinese XP®
www.chinesexp.com.cn

x p e r i e n c i n g

体验汉语®

越南语版

Thể Nghiệm Tiếng Hán

生活篇

Đời Sống

40～50课时

100 Cậu Giao Tiếp Thường Ngày

顾　问　刘　珣
总策划　刘　援
编　者　朱晓星　岳建玲
　　吕宇红　褚佩如

高等教育出版社
Higher Education Press

图书在版编目（CIP）数据

体验汉语. 生活篇：越南语版 / 朱晓星等编. —北京：高等教育出版社，2007.11

40～50 课时

ISBN 978-7-04-023252-3

Ⅰ. 体… Ⅱ. 朱… Ⅲ. 汉语－对外汉语教学－教材 Ⅳ. H195.4

中国版本图书馆 CIP 数据核字（2007）第 168900 号

出版发行 高等教育出版社
社　　址 北京市西城区德外大街 4 号
邮政编码 100011
总　　机 010-58581000

购书热线 010-58581118
免费咨询 800-810-0598
网　　址 http://www.hep.edu.cn
http://www.hep.com.cn
网上订购 http://www.landraco.com
http://www.landraco.com.cn
畅想教育 http://www.widedu.com

经　　销 蓝色畅想图书发行有限公司
印　　刷 高等教育出版社印刷厂

开　　本 889×1194　1/16
印　　张 11.25
字　　数 350 000

版　　次 2007 年 11 月第 1 版
印　　次 2007 年 11 月第 1 次印刷

如有印装等质量问题，请到所购图书销售部门调换。

版权所有　侵权必究

物料号　23252-00

ISBN 978-7-04-023252-3

05800

高检

《体验汉语®》立体化系列教材

教材规划委员会：

许　琳　　曹国兴　　刘　辉　　刘志鹏
马箭飞　　宋永波　　邱立国　　刘　援

短期课程系列：

《体验汉语®生活篇（40～50课时）》（越南语版）

顾　　问　刘　珣
总 策 划　刘　援
编　　者　朱晓星　岳建玲　吕宇红　褚佩如
越语翻译　赵玉兰
越语审订　傅氏梅

策　　划　徐群森
责任编辑　徐群森
版式设计　孙　伟
插图设计　徐群森
插图选配　徐群森　金飞飞
插图绘制　刘　艳
封面设计　周　末
责任校对　徐群森　郝小楠
责任印制　宋克学

此为试读，需要完整PDF请访问：www.ertongbook.com

前　言

《体验汉语·生活篇（40~50课时）》越语版是专为初学汉语的越南人编写的汉语教材，适用于短期学习汉语的成人学员。既可以供短期班使用，也适用于一对一单人教学。

本书根据体验式教学理念和任务型教学思想而设计，以基本生活需要为依据，以实用的交际任务为编写主线，注重听说技能的培养。全书由一个语音训练单元（2~4学时）和12个学习单元（3~4学时/单元）组成，总教学时间约为40~50学时。

教材基本结构

一、语音训练

针对短期学生的特点，语音训练主要放在“语音训练”集中进行。另外，在每个单元还选取一些重点词语进行发音比较练习。

二、12个学习单元

我们根据越南学生在中国生活的基本需要，选取最实用的交际任务，组成了本书的12个单元。每个单元由学习目标、热身、词语、句子、会话和活动构成。

会话短小实用，语音材料力求真实、自然、鲜活。语言难点以越语注释的形式加以解释。

课堂活动体现了体验式教学的特点，既有传统的练习形式，又有实践性很强的任务型练习。

教材主要特色

针对成人学生学习时间有限，但自主学习能力强的特点，本教材在编写上采用了一些具有特色的形式：

每个单元分为两部分，均由学习内容和活动组成，即学即练，不仅便于教学，而且能增强学生的成就感。

“热身”是进入每一单元的第一步，以图片配词语的方式引导学生进入新的任务单元。既可以挖掘学生已知信息，又为后面的句型和对话演练做准备。

在“活动”中，学生可以根据自己的情况自主选择，这是成人自主学习理念在教材设计中的一个尝试。

我们特地设计了听对话练习，注重学与练之后的实际操作，重点培养学生听的能力。“认汉字”部分选取的都是日常生活中经常出现的汉字。对于短期学生来说，识读身边常见的汉字更具有实用价值。“你知道吗？”旨在挖掘语言中存在的中外差异，增强学生对汉语的理解。

教材的版式设计和插图融合了中国文化和现代都市生活的趣味，特别针对成人学习者的欣赏习惯而设计，并且采用了大量的实景摄影照片，是“体验汉语”理念的重要体现。编者谨向高等教育出版社在教材插图和版式设计等方面的创造性工作致以衷心的感谢。

教材由“北京外交人员语言文化中心”的教师在多年教学实践和研究的基础上编写而成，真诚欢迎您对本书提出宝贵意见和建议。

编　者

2007年8月

LỜI NÓI ĐẦU

Bản tiếng Việt cuốn "**Thể Nghiệm Tiếng Hán – Đời Sống**" (40 - 50 tiết học)" là một giáo trình tiếng Hán được soạn riêng cho người Việt Nam bắt đầu học tiếng Hán, phù hợp với người học tiếng Hán ngắn hạn tuổi thành niên. Giáo trình vừa có thể sử dụng cho lớp học ngắn hạn, vừa phù hợp cho việc dạy học cá nhân một thày một trò.

Giáo trình này được thiết kế theo ý tưởng của loại hình dạy học kiểu thể nghiệm và tư tưởng dạy học kiểu chức năng, căn cứ vào các nhu cầu sinh hoạt cơ bản, biên soạn theo tuyến chính là các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng nghe nói. Toàn bộ giáo trình được cấu thành bởi một đơn vị luyện tập ngữ âm (2 - 4 tiết học) và 12 đơn vị bài học (3 - 4 tiết học/đơn vị), tổng thời gian dạy học khoảng 40 – 50 tiết.

Cấu tạo cơ bản của giáo trình:

I. Luyện tập ngữ âm

Bám sát đặc điểm của người học ngắn hạn, việc luyện tập ngữ âm chủ yếu tập trung tiến hành trong phần "*Luyện tập ngữ âm*". Ngoài ra, trong mỗi một đơn vị bài học còn chọn ra một số từ ngữ trọng điểm và tiến hành luyện tập so sánh phát âm.

II. 12 đơn vị bài học

Chúng tôi căn cứ vào nhu cầu cơ bản của học sinh Việt Nam sống ở Trung Quốc, lựa chọn những nhiệm vụ giao tiếp thực dụng nhất, tập hợp thành 12 đơn vị bài học của cuốn sách này. Mỗi một đơn vị bài học gồm các phần: *mục tiêu học tập, khởi động, từ ngữ, câu, hội thoại và hoạt động(trên lớp)*.

Phần *Hội thoại* ngắn gọn thực dụng, tư liệu ngữ âm cố gắng chân thực, tự nhiên, mới mẻ và sống động. Trọng điểm ngôn ngữ được giải thích bằng các chú thích tiếng Việt.

Phần *Hoạt động trên lớp* thể hiện đặc điểm của lối dạy học thể nghiệm, vừa có các hình thức bài tập truyền thống, lại vừa có các bài tập kiểu chức năng có tính thực tiễn rất cao.

Nét đặc sắc chủ yếu của giáo trình.

Bám sát đặc điểm của người học tuổi thành niên là thời gian học tập hạn chế, song năng lực tự chủ học tập cao, giáo trình này áp dụng một số hình thức biên soạn có tính đặc thù như sau:

Mỗi đơn vị bài học chia thành 2 phần, đều được hợp thành bởi các nội dung học tập và hoạt động, học đến đâu luyện đến đấy, không chỉ tiện cho việc giảng dạy mà còn tăng cường được cảm giác có thu hoạch của người học.

"***Khởi động***" là bước đầu tiên để đi vào mỗi đơn vị bài học, dẫn dắt người học đến với nhiệm vụ mới bằng cách phối hợp giữa tranh ảnh với từ ngữ, vừa có thể khai thác được những thông tin hiểu biết sẵn có của người học, vừa chuẩn bị cho việc luyện tập các mẫu câu và hội thoại ở phần sau.

Trong phần "***Hoạt động***", người học có thể tự chủ lựa chọn theo tình hình của bản thân, đây là sự thể nghiệm về ý tưởng học tập tự chủ cho người học tuổi thành niên được thiết kế trong giáo trình.

Chúng tôi thiết kế chuyên biệt phần bài tập nghe hội thoại, chú trọng đến các thao tác thực tế sau khi

học và luyện, bồi dưỡng một cách có trọng điểm năng lực nghe của người học.

Phần "***Nhận biết chữ Hán***" lựa chọn toàn những chữ xuất hiện thường xuyên trong đời sống thường ngày. Đối với người học tiếng ngắn hạn, việc đọc nhận biết được các chữ Hán thường gặp xung quanh mình càng có giá trị thực dụng hơn.

Phần "***Bạn có biết?***" nhằm mục đích khai thác những khác biệt trong ngôn ngữ giữa tiếng Hán và tiếng Việt, tăng cường sự hiểu biết của người học đối với tiếng Hán.

Chế bản thiết kế và tranh ảnh minh hoạ của giáo trình dung hoà sự hứng thú về văn hóa và cuộc sống đô thị hiện đại của Trung Quốc, đặc biệt thiết kế sát thực theo thói quen thưởng thức của người học, đồng thời sử dụng số lượng lớn ảnh chụp cảnh thực, đây là sự thể hiện quan trọng của ý tưởng về "***Thể Nghiệm Tiếng Hán – Đời Sống***". Soạn giả xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Nhà xuất bản Giáo dục Cao đẳng trong công việc minh hoạ và thiết kế mang tính chất sáng tạo cho chế bản của giáo trình.

Giáo trình được các nhà giáo của "*Trung tâm ngôn ngữ văn hoá nhân viên ngoại giao Bắc Kinh*" biên soạn trên cơ sở của nhiều năm thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu. Xin chân thành hoan nghênh những ý kiến và kiến nghị quý báu của Quý vị đóng góp cho cuốn sách này.

Soạn giả

Tháng 8 năm 2007

郑重声明

高等教育出版社依法对本书享有专有出版权。任何未经许可的复制、销售行为均违反《中华人民共和国著作权法》，其行为人将承担相应的民事责任和行政责任，构成犯罪的，将被依法追究刑事责任。为了维护市场秩序，保护读者的合法权益，避免读者误用盗版书造成不良后果，我社将配合行政执法部门和司法机关对违法犯罪的单位和个人给予严厉打击。社会各界人士如发现上述侵权行为，希望及时举报，本社将奖励举报有功人员。

反盗版举报电话：(010) 58581897/58581896/58581879

传　　真：(010) 82086060

E - mail：dd@hep.com.cn

通信地址：北京市西城区德外大街4号
高等教育出版社打击盗版办公室

邮　　编：100011

购书请拨打电话：(010)58581118

目　录/Mục Lục

	学习目标/MỤC TIÊU HỌC TẬP	
语音训练 / LUYỆN TẬP NGỮ ÂM	• Học được các thanh mẫu (phụ âm đầu), vận mẫu (phần vần) và thanh điệu theo phiên âm tiếng Hán • Luyện đọc phiên âm và thanh điệu	1
Bài 1 你好! CHÀO ÔNG (BÀ, ANH, CHỊ, BẠN…)	• Học được các từ ngữ cơ bản biểu đạt nội dung chào hỏi • Học được cách giới thiệu tên họ và quốc tịch của mình	5
Bài 2 现在几点? BÂY GIỜ LÀ MẤY GIỜ?	• Học được cách biểu đạt về giờ giấc, ngày tháng	18
Bài 3 那件毛衣怎么卖? CÁI ÁO LEN KIA BÁN THẾ NÀO?	• Hỏi giá tiền và cách biểu đạt giá tiền • Cách mặc cả • Đưa ra những yêu cầu cụ thể về kích cỡ, màu sắc với hàng hóa cần mua	29
Bài 4 要一个宫保鸡丁 CHO MÓN GÀ XÀO CUNG BẢO	• Học được cách gọi món ăn, nêu yêu cầu, thanh toán	45
Bài 5 你在哪儿工作? BẠN LÀM VIỆC Ở ĐÂU?	• Biết cách hỏi về tình hình gia đình, nghề nghiệp và tuổi tác.	56
Bài 6 阮秋香在吗? NGUYỄN THU HƯƠNG CÓ NHÀ KHÔNG?	• Học được từ ngữ gọi điện thoại thông thường	68
Bài 7 一直走 ĐI THẲNG	• Học được các từ ngữ thường dùng về hỏi đường và chỉ đường	79

Bài 8

你的新家在哪儿?
NHÀ MỚI CỦA BẠN Ở ĐÂU?

- Nắm vững cách dùng các từ chỉ phương hướng, vị trí
- Biết cách biểu đạt vị trí của đồ vật

91

Bài 9

你怎么了?
ANH LÀM SAO VẬY?

- Biết cách hỏi thăm và diễn đạt tình trạng sức khỏe
- Nắm được các từ ngữ chỉ các bộ phận chủ yếu của cơ thể

104

Bài 10

你会修电脑吗?
BẠN CÓ BIẾT SỬA MÁY VI TÍNH KHÔNG?

- Biết cách bàn luận về năng lực và sở thích

115

Bài 11

太冷了!
LẠNH QUÁ!

- Biết cách miêu tả tình hình thời tiết khí hậu của một khu vực

129

Bài 12

请把桌子擦一下儿
LAU GIÚP HỘ CÁI BÀN MỘT CHÚT

- Học được các từ ngữ thường dùng liên quan đến công việc trong nhà

140

语言注释/Chú thích ngôn ngữ 153
录音文本/Văn bản ghi âm 155
词汇表/Bảng từ vựng 157
日常生活用语100句/100 câu giao tiếp thường ngày 168

此为试读,需要完整PDF请访问: www.ertongbook.com

Yǔyīn xùnliàn

语音 训练

LUYỆN TẬP NGỮ ÂM

学习目标 MỤC TIÊU HỌC TẬP

- **学会汉语拼音的声母、韵母和声调 / Học được các thanh mẫu (phụ âm đầu), vận mẫu (phần vần) và thanh điệu theo phiên âm tiếng Hán.**
- **拼读和声调练习 / Luyện đọc phiên âm và thanh điệu**

Tuyệt đại đa số âm tiết trong tiếng Hán được cấu tạo bởi 3 thành phần: thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu . Phụ âm mở đầu âm tiết gọi là thanh mẫu, phần còn lại là vận mẫu. Muốn học nói tiếng Hán nhất thiết phải học thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu trước.

声母和韵母 / Thanh mẫu và vận mẫu

声母 / Thanh mẫu

b p m f　d t n l　g k h　j q x　zh ch sh r　z c s

韵母 / Vận mẫu

	i	u	ü
a	ia	ua	
o		uo	
e	ie		üe
ai		uai	
ei		uei (ui)	
ao	iao		
ou	iou (iu)		
an	ian	uan	üan
en	in	uen (un)	ün
ang	iang	uang	
eng	ing	ueng	
ong	iong		

语音训练 ▶▶▶

注释/Chú thích

1. " i " khi tự cấu thành âm tiết viết thành " yi ", khi ở vị trí mở đầu một âm tiết, viết thành " y ".
   ví dụ: i—yi ia-ya ian—yan

2. " u " khi tự cấu thành âm tiết viết thành " wu ", khi ở vị trí mở đầu một âm tiết viết thành " w ".
   ví dụ: u—wu ua—wa uan—wan

3. " ü " khi tự cấu thành âm tiết hoặc ở vị trí mở đầu âm tiết thì phía trước thêm " y " và lược bỏ hai chấm phía trên " ü ".
   ví dụ: ü—yu üan—yuan ün—yun üe—yue

4. " j " " q " " x " khi kết hợp với " ü " và những vận mẫu mở đầu bằng " ü " thì lược bỏ hai chấm phía trên " ü ".
   ví dụ: jü — ju qüan — quan xüe — xue

拼读练习/Luyện đọc phiên âm

1. 单韵母音节 Âm tiết có vần đơn

ba	pa	ma	fa	da	ta	na	la	ga	ka	ha
bo	po	mo	fo	de	te	ne	le	ge	ke	he
bi	pi	mi		di	ti	ni	li			
bu	pu	mu	fu	du	tu	nu	lu			

nü lü

2. 复韵母音节 Âm tiết có vần ghép

gai	gei	gao	gou	gua	guo	guai	gui	lia	lie	liao	liu	lüe
kai	kei	kao	kou	kua	kuo	kuai	kui		nie	niao	niu	nüe
hai	hei	hao	hou	hua	huo	huai	hui					

3. 鼻韵母音节 Âm tiết có vần mũi

ban	ben	bang	beng		pan	pen	pang	peng	
man	men	mang	meng		fan	fen	fang	feng	
dan		dang	deng	dong	tan		tang	teng	tong
nan		nang	neng	nong	lan		lang	leng	long

luan nuan

bin	bing	pin	ping	min	ming	lin	ling	nin	ning

4. 声母是 j、q、x 的音节 **Âm tiết có phụ âm đầu là j、q、x**

ji	qi	xi	ju	qu	xu	jue	que	xue	
jin		jing	jian		jiang	qian	qiang	xian	xiang

5. 声母是 zh、ch、sh、r 和 z、c、s 的音节 **Âm tiết có phụ âm đầu là zh、ch、sh、r và z、c、s**

zhi	chi	shi	ri	zi	ci	si
zhe	che	she	re	ze	ce	se
zhan	chan	shan	ran	zan	can	san
zhang	chang	shang	rang	zong	cong	song

6. y、w 开头的音节 **Âm tiết mở đầu bằng y、w**

yi	wu	yu		wa	wo	wai	wei	wan	wen	wang	weng
yin	ying	yan	yang	yun	yuan	yong					

声调 / Thanh điệu

Tiếng Hán phổ thông có bốn thanh điệu cơ bản và một thanh nhẹ, đó là thanh một (ˉ) , thanh hai (ˊ), thanh ba (ˇ), thanh bốn (ˋ), thanh nhẹ (không đánh ký hiệu). Thanh điệu khác nhau thì ý nghĩa cũng khác nhau. Ví dụ: tāng (thanh một) là "汤"(canh), táng (thanh hai) là "糖"(đường, kẹo), tǎng (thanh ba) là "躺" (nằm), tàng (thanh bốn) là "烫"(bỏng).

Biểu đồ thanh điệu

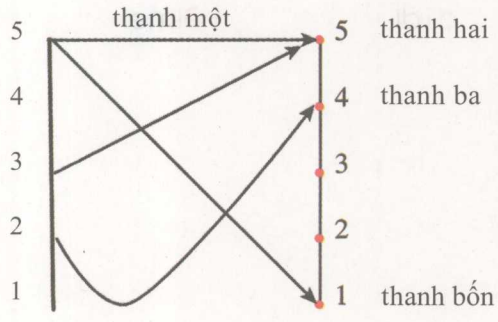

语音训练 ▶▶▶

声调练习/ Bài tập thanh điệu

1. 基本声调练习。

Bài tập thanh điệu cơ bản

mā	má	mǎ	mà
gē	gé	gě	gè
hāo	háo	hǎo	hào
qiān	qián	qiǎn	qiàn

2. 当两个第三声音节连在一起时，第一个要读成第二声。例如nǐhǎo→ níhǎo。请跟读下列词语。

Khi hai âm tiết mang thanh điệu 3 đi liền nhau, âm tiết thứ nhất phải đọc thành thanh 2. Ví dụ nǐhǎo→ níhǎo. Hãy đọc theo các từ ngữ dưới đây.

hěnhǎo yǔfǎ fǔdǎo suǒyǒu

3. 第三声字在第一、二、四和轻声前边时，要变成“半三声”。也就是只读原来第三声的前一半降调。例如：nǐmen→ nǐmen。请跟读下列词语。

Thanh điệu 3 khi đứng trước các thanh 1, 2, 4 và thanh nhẹ, phải đọc biến điệu thành “nửa thanh 3”, có nghĩa là chỉ đọc một nửa trước phần giáng điệu của thanh 3. Ví dụ nǐmen→ nǐmen. Hãy đọc theo các từ ngữ dưới đây.

Běijīng	kǎoyā	Měiguó	lǚxíng
wǎnfàn	kěpà	xǐhuan	jiějie

4. 轻声读得又短又轻。跟读下列词语。

Thanh nhẹ đọc vừa ngắn vừa nhẹ. Hãy đọc theo các từ ngữ dưới đây.

māma	gēge	yéye	zhízi
nǎinai	jiějie	dìdi	mèimei

Bài 1

Nǐ hǎo

你 好!

CHÀO ÔNG (BÀ, ANH, CHỊ, BẠN...)

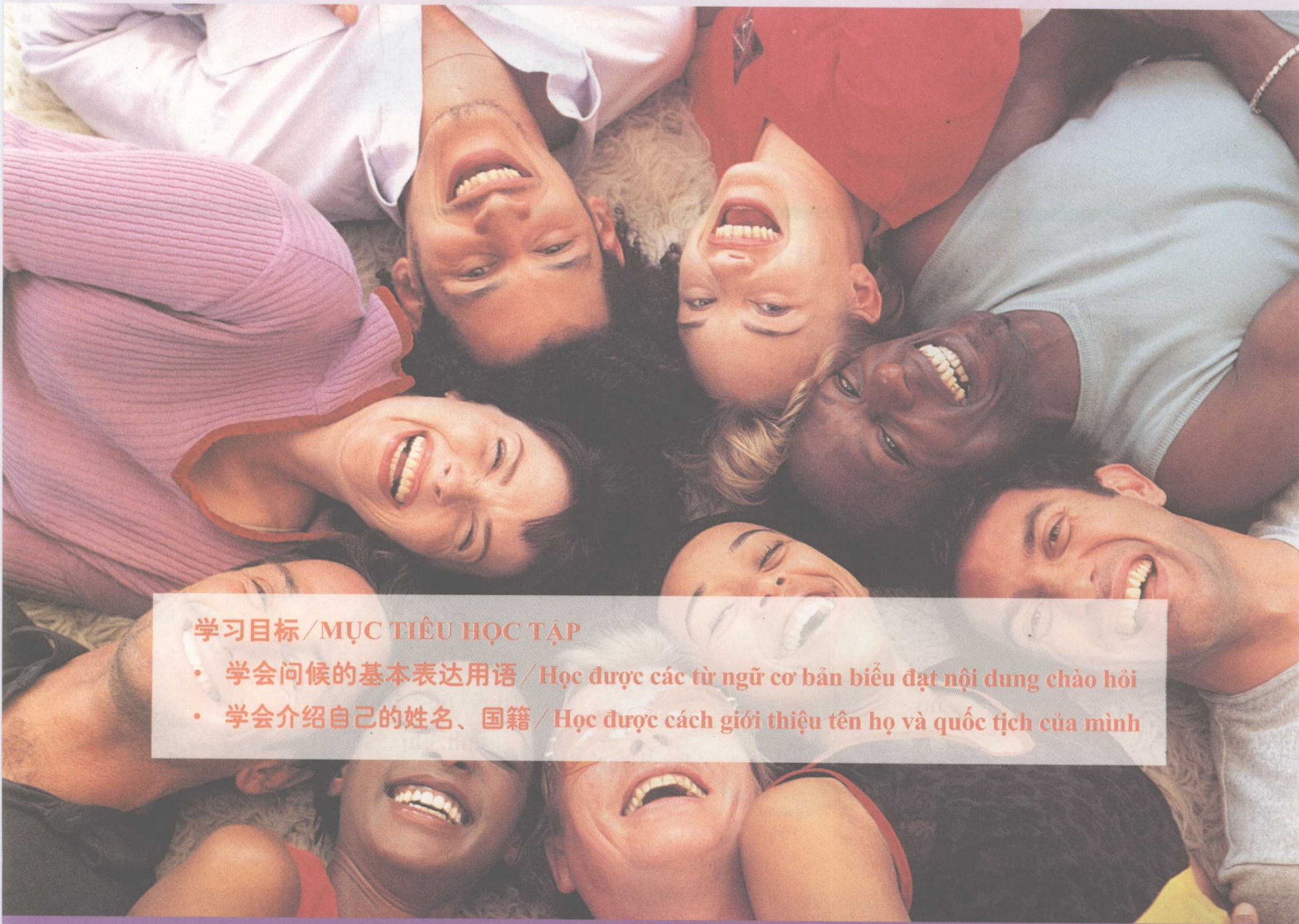

学习目标/MỤC TIÊU HỌC TẬP

- 学会问候的基本表达用语/Học được các từ ngữ cơ bản biểu đạt nội dung chào hỏi
- 学会介绍自己的姓名、国籍/Học được cách giới thiệu tên họ và quốc tịch của mình

你 好!

热 身 KHỞI ĐỘNG

你 好! 王 小姐。
Nǐ hǎo! Wáng xiǎojiě.

你 好! 李 先生。
Nǐ hǎo! Lǐ xiānsheng.

你 好 吗?
Nǐ hǎo ma?

我 很 好。
Wǒ hěn hǎo.

第一部分 Phần thứ 1

生 词 TỪ MỚI

1 nǐ 你 ông, bà, anh, chị, bạn

2 hǎo 好 chào

3 nín 您 (quý) ông, bà, anh, chị

4 guì xìng 贵 姓 họ gì, quý danh

5 wǒ 我 tôi

6 xìng 姓 họ

7 jiào 叫 (gọi) là

此为试读,需要完整PDF请访问: www.ertongbook.com